

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2021
“V/v tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**
- 2- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện V, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thế E**, sinh năm 1972. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M A, xã M, huyện U, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu đến đầu năm 2017 chị và anh Nguyễn Thế E tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó anh Esống không có trách nhiệm với gia đình, đã rất nhiều lần anh E bạo lực đánh đập, hành hạ chị. Đặc biệt vào ngày 20/11/2020, anh E đánh chị bị chấn thương và chảy máu đường họng phải đến Bác sĩ để điều trị.

Anh E nhiều lần đánh đập, hành hạ chị nên vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn về tình cảm và bất đồng ý kiến trong cuộc sống gia đình. Từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng ngày càng trầm trọng nên chị và anh E đã ly thân từ ngày 20/11/2020 cho đến nay.

Chị và anh E không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thế Em.

Về con chung: Chị và anh E không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh E không có tài sản chung.

Về tài sản riêng: Đầu năm 2015 chị có nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Công L phần đất tọa lạc tại ấp M A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang chiều ngang 05m, chiều dài 31m, tổng diện tích là 155m². Hai bên có làm hợp đồng. Thửa đất hiện nay có giá trị khoảng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Sau khi anh E về chung sống với chị từ đầu năm 2017, đến năm 2019 anh E tự ý lấy giấy sang nhượng đất giữa chị và anh L đến Ban lãnh đạo ấp M A xác nhận đề ngày 10/01/2019. Ngày 07/4/2016 chị nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Đ phần đất tọa lạc tại ấp M A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang chiều ngang 08m, chiều dài 31m, tổng diện tích là 241m². Hai bên có làm hợp đồng. Thửa đất hiện nay có giá trị khoảng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Chị có xây dựng một nhà kho trên phần đất nhận chuyển nhượng của bà Đ, chi phí khoảng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Kết cấu nhà kho xây tường lên một phần, có xây cổng rào. Đến nay chị vẫn chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đối với hai phần đất trên.

Chị yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất năm 2015 giữa chị với anh Nguyễn Công L và hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 07/4/2016 giữa chị với bà Trần Thị Đ.

Đồng thời chị yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ tài sản trên là tài sản riêng của chị. Buộc anh E giao trả lại toàn bộ tài sản là nhà và đất nêu trên cho chị mà anh E đang quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Chị và anh E nợ tiền hụi của ông Nguyễn Văn N số tiền 36.780.000đ (Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng); Nợ của bà Lê Kiều P số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Chị yêu cầu chia đôi nợ chung với anh E. Cụ thể chị trả số tiền 33.390.000đ (Ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), anh E trả số tiền 33.390.000đ (Ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thế E có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đầu năm 2017 anh và chị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và chị N xảy ra mâu thuẫn. Anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung.

Về tài sản: Trước khi về chung sống với anh thì chị N có 05m đất tại ấp M A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Khi về chung sống với nhau anh có cất một căn nhà trên phần đất của chị N trị giá 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Anh thuê công, vật liệu tự mua xây dựng, anh N1 ở Kênh 2 là người xây cất nhà. Nguồn tiền cất nhà là do anh xây cây nước mà có, anh cất nhà xong chị N mới về ở. Nếu chị N sử dụng căn nhà thì anh yêu cầu chị N trả lại giá trị nhà cho anh.

Sau này, anh có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Đ ở cùng xóm 08m đất với giá 02 chỉ vàng 24k/m, bà Đ có cho anh thêm mấy tấc đất nữa. Anh là người trực tiếp mua bán với bà Đ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm giấy tờ. Anh là người trả vàng cho bà Đ, lợi dụng lúc anh đi vắng chị N đã đến nhà bà Đ kêu bà Đ làm giấy tay mua bán và chị N là người đứng tên trên giấy tờ. Anh dùng tiền cá nhân để nhận chuyển nhượng phần đất trên nên yêu cầu công nhận phần đất và nhà kho là tài sản riêng của anh.

Về số nợ chị N trình bày: Số tiền nợ của ông Nguyễn Văn N thì anh không có sử dụng nhưng anh có ký nhận nợ. Anh đồng ý chịu trách nhiệm trả ½ số tiền còn nợ cho ông N. Đối với số tiền nợ của bà Lê Kiều P mà chị N trình bày thì anh không đồng ý trả vì anh không biết số nợ này.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án:* Về tài sản của chị N và anh E nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Loa, bà Đ, tài sản gắn liền trên đất và tiền nợ của ông Nguyễn và bà Phương thì các đương sự tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong và

đã được tách thành vụ án khác giải quyết theo quy định của pháp luật nên trong vụ án này chỉ xem xét về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh E.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh E. Anh E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thế E có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án đề ngày 15/6/2021. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh E.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và anh E tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 2017, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị N và anh E thống nhất ly hôn với nhau nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của chị N và anh E là không hợp pháp nên không thể công nhận thuận tình ly hôn mà căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh E.

Về con chung: Chị N và anh E không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau bằng các vụ kiện dân sự khác nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ khác trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000592 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (Theo quyết định tách vụ án số 05/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang). Như vậy, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thế E.
2. Về con chung: Chị N và anh E không có con chung, không xem xét.
3. Về tài sản và nợ: Các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau bằng các vụ kiện dân sự khác nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ khác trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000592 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (Theo quyết định tách vụ án số 05/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang). Như vậy, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí vụ án.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Chị Nguyễn Thị N báo cho chị N biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2021). Đối với anh Nguyễn Thế E vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã Minh Thuận.
- UBND xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh